

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IX

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
VỀ XỬ LÝ TÀI CHÍNH, XỬ LÝ KHÁC ĐẾN 31/12/2022**

(Phụ lục kèm theo Công văn số /KV IX - TH ngày tháng 4 năm 2023 của Vụ Tổng hợp)

| TT | Chỉ tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU ¹ và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|------------|--|-------------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------|--|-------------------|--|
| | KTNN khu vực IX | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.658.096.653.046 | 24.682.701.104 | 12.053.291.944 | 252.546.266.123 | 215.423.277.403 | 201.323.788.346 | 1.952.067.328.126 | |
| I | Năm kiểm toán 2008 (niên độ được kiểm toán 2007) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 308.662.850 | 0 | 308.662.850 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | Đoàn kiểm toán NSDP năm 2007 tỉnh Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 308.662.850 | | 308.662.850 | | | | | |
| 1 | Sở Lao động và Thương binh xã hội | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 260.589.330 | | 260.589.330 | | | | | |
| 2 | DNTN Giang Phong (CCT TP Bến Tre) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 15.457.000 | | 15.457.000 | | | | | |
| 3 | Hộ kinh doanh cá thể (CCT huyện Mô Cày) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 5.350.000 | | 5.350.000 | | | | | |
| 4 | Thu hồi kinh phí ủy nhiệm thu (CCT huyện Mô Cày) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 13.352.682 | | 13.352.682 | | | | | |
| 5 | Thu hồi kinh phí ủy nhiệm thu (CCT huyện Giồng Trôm) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 13.913.838 | | 13.913.838 | | | | | |
| II | Năm kiểm toán 2009 (niên độ được kiểm toán 2008) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 6.771.563.267 | 5.219.080.287 | 0 | 0 | 770.521.547 | 781.961.433 | 0 | |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP năm 2008 tỉnh An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 6.230.680.538 | 5.219.080.287 | | | 229.638.818 | 781.961.433 | | |
| 1.1 | Cty CP DTXD Sao Mai An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 5.219.080.287 | 5.219.080.287 | | | | | | |
| 1.2 | Huyện Châu Phú | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 81.715.193 | | | | 81.715.193 | | | |
| 1.3 | Ban Du lịch - Đường giao thông từ Khu tái định cư lên ấp Vô Đâu | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 47.927.180 | | | | 47.927.180 | | | |
| 1.4 | Ban Du lịch - Đường vào khu du lịch Lâm Viên Núi Cấm | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 99.996.445 | | | | 99.996.445 | | | |
| 1.5 | Huyện Tân Châu | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 723.776.280 | | | | | 723.776.280 | | |
| 1.6 | KBNN An Giang -Tạm ứng công trình | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 58.185.153 | | | | | 58.185.153 | | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP năm 2008 tỉnh Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 540.882.729 | | | | 540.882.729 | | | |
| 2.1 | BQL DA BVĐK huyện Bình Minh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 405.118.663 | | | | 405.118.663 | | | |
| 2.2 | BQL DA Thủy lợi-ĐA kê chống sạt lở bờ sông Cỏ Chiên | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 135.764.066 | | | | 135.764.066 | | | |
| III | Năm kiểm toán 2010 (niên độ được kiểm toán 2009) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.795.803.825 | 107.922.327 | 2.526.316.525 | | 161.564.973 | | | |
| | Đoàn kiểm toán NSDP năm 2009 tỉnh Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.795.803.825 | 107.922.327 | 2.526.316.525 | | 161.564.973 | | | |
| 1 | Trường Cao đẳng Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.919.356 | 2.919.356 | | | | | | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-----|---|----------------|-------------|---------------|---------------|---------------|------------------------------|----------------|---|
| 2 | Sở Giao thông vận tải (Xí nghiệp phà Bến Tre) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 30.280.782 | 30.280.782 | | | | | | |
| 3 | DNTN Minh Tâm (CCT huyện Chợ Lách) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 19.054.692 | 19.054.692 | | | | | | |
| 4 | Cty TNHH MTV Xây dựng 668 (CCT huyện Chợ Lách) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 31.624.425 | 31.624.425 | | | | | | |
| 5 | DNTN A Tuấn (CCT huyện Chợ Lách) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 24.043.072 | 24.043.072 | | | | | | |
| 6 | Trung tâm Phát triển Quỹ nhà, đất | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.526.316.525 | | 2.526.316.525 | | | | | |
| 7 | Ban QLDA Chuyên ngành Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn (Dự án Cảng cá Bình Thăng, huyện Bình Đại) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 124.983.000 | | | | 124.983.000 | | | |
| 8 | Ban QLDA chuyên ngành Y tế (Dự án Trung tâm Y tế huyện Châu Thành) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 36.581.973 | | | | 36.581.973 | | | |
| IV | Năm kiểm toán 2011 (niên độ được kiểm toán 2010) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 11.079.847.484 | 0 | 0 | 1.822.000.000 | 2.309.349.910 | 6.948.497.574 | | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 9.808.821.980đ |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2010 tỉnh An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 3.471.633.402 | | | 1.822.000.000 | 1.649.633.402 | | | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 2.200.607.898đ |
| 1.1 | Trung tâm xúc tiến thương mại | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.822.000.000 | | | 1.822.000.000 | | | | |
| 1.2 | BQL DA Tri Tôn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.271.025.504 | | | | 1.271.025.504 | | | |
| 1.3 | BQL DLVH - Thoại Sơn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 169.681.395 | | | | 169.681.395 | | | |
| 1.4 | BQLDA Phú Tân | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 159.070.222 | | | | 159.070.222 | | | |
| 1.5 | BQLDA Châu Thành | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 49.856.281 | | | | 49.856.281 | | | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2010 tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm giáo dục lao động xã hội) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 144.660.508 | | | | 144.660.508 | | | |
| 3 | Đoàn kiểm toán NSDP 2010 tỉnh Tiền Giang | | | | | | | | |
| | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 6.948.497.574 | | | | | 6.948.497.574 | | |
| 4 | Đoàn kiểm toán NSDP 2010 tỉnh Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 515.056.000 | | | | 515.056.000 | | | |
| 4.1 | Trường năng khiếu TDTT tỉnh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 133.497.000 | | | | 133.497.000 | | | |
| 4.2 | ĐA Trung tâm HC huyện Bình Minh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 381.559.000 | | | | 381.559.000 | | | |
| V | Năm kiểm toán 2012 (niên độ được kiểm toán 2011) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 38.019.414.168 | 297.582.168 | | | | 37.721.832.000 | 0 | |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2011 tỉnh Trà Vinh | | | | | | | | |
| | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 35.638.600.000 | | | | | 35.638.600.000 | | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2011 tỉnh Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.380.814.168 | 297.582.168 | 0 | 0 | 0 | 2.083.232.000 | | |
| 2.1 | Cảng cá Ba Tri | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 185.102.750 | 185.102.750 | | | | | | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|------|--|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|------------------------------|----------------|---|
| 2.2 | Công ty TNHH SXTM Hòa Thái Bình | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 102.298.000 | 102.298.000 | | | | | | |
| 2.3 | DNTN xây dựng Tân Hiệp Phát (CCT Mô Cày Bắc) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 10.181.418 | 10.181.418 | | | | | | |
| 2.4 | Sở Tài chính Bến Tre | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.620.000.000 | | | | | 1.620.000.000 | | |
| 2.5 | Huyện Mô Cày Bắc (Phòng TC-KH) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 463.232.000 | | | | | 463.232.000 | | |
| VI | Năm kiểm toán 2013 (niên độ được kiểm toán 2012) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 13.766.962.886 | 1.313.052.886 | 9.175.297.000 | 2.315.000.000 | 263.613.000 | 700.000.000 | | |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2012 tỉnh An Giang | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.383.750.886 | 1.313.052.886 | | | 70.698.000 | | | |
| 1.1 | DNTN Đức Thanh (CCT huyện Tri Tôn) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 84.813.886 | 84.813.886 | | | | | | |
| 1.2 | DNTN Vĩnh An (Chuyên đề tài nguyên, khoáng sản) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.228.239.000 | 1.228.239.000 | | | | | | |
| 1.3 | Dự án ĐTXD trường Đại học An Giang (khu mới) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 50.698.000 | | | | 50.698.000 | | | |
| 1.4 | Dự án ĐTXD Bệnh viện đa khoa An Giang (600 giường) (Gói thầu 14a: Hàng rào) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 20.000.000 | | | | 20.000.000 | | | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2012 tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 12.383.212.000 | 0 | 9.175.297.000 | 2.315.000.000 | 192.915.000 | 700.000.000 | 0 | |
| 2.1 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 11.490.297.000 | | 9.175.297.000 | 2.315.000.000 | | | | |
| 2.2 | Sở Lao động Thương Binh và Xã hội (Dự án Trường Trung Cấp Nghề Hồng Ngự) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 192.915.000 | | | | 192.915.000 | | | |
| 2.3 | Huyện Tân Hồng (Phòng TC-KH) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 700.000.000 | | | | | 700.000.000 | | |
| VII | Năm kiểm toán 2014 (niên độ được kiểm toán 2013) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 4.583.601.561 | 0 | 0 | 2.630.951.561 | 1.796.650.000 | 156.000.000 | | |
| | Đoàn kiểm toán NSDP 2013 tỉnh Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 4.583.601.561 | 0 | 0 | 2.630.951.561 | 1.796.650.000 | 156.000.000 | | |
| 1 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.574.127.561 | | | 2.418.127.561 | | 156.000.000 | | |
| 2 | Sở Giáo dục và Đào tạo (VP Sở) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 212.824.000 | | | 212.824.000 | | | | |
| 3 | Dự án Khu tái định cư Hoà Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các khu và tuyển công nghiệp) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.796.650.000 | | | | 1.796.650.000 | | | |
| VIII | Năm kiểm toán 2015 (niên độ được kiểm toán 2014) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 8.974.384.299 | | | | 409.459.000 | 7.908.921.299 | 656.004.000 | |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2014 tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 409.459.000 | | | | 409.459.000 | | | |
| 1.1 | KBNN Đồng Tháp: DA nhà đập báo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 375.899.000 | | | | 375.899.000 | | | |
| 1.2 | Chương trình MTQG xây dựng NTM đoạn 2010-2014 tỉnh Đồng Tháp: Dự án Trường Mầm non Bình Thành, H.Thanh Bình (Điểm chính) | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 33.560.000 | | | | 33.560.000 | | | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2014 tỉnh Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Sổ chưa thực hiện (6)=(4-5) | 7.908.921.299 | | | | | 7.908.921.299 | | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-----------|---|-----------------|-------------|---------------|---------------|-------------|------------------------------|----------------|---|
| 3 | Đoàn kiểm toán Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Dự án Nhà máy xi măng Tây Ninh | | | | | | | | |
| | Công ty CP xi măng Fico Tây Ninh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 656.004.000 | | | | | | 656.004.000 | |
| IX | Năm kiểm toán 2016 (niên độ được kiểm toán 2015) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 158.686.914.427 | 374.496.725 | 43.015.569 | 1.425.557.250 | 596.395.000 | 147.106.576.040 | 9.140.873.843 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 84.776.027.137đ |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2015 tỉnh Tiền Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 75.001.936.282 | 190.906.934 | 34.029.348 | | | 74.777.000.000 | 0 | |
| 1.1 | Chỉ cục Thuế huyện Châu Thành: Công ty TNHH TM Cấp nước Thủy Triều | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 224.936.282 | 190.906.934 | 34.029.348 | | | | | |
| 1.2 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 8.277.000.000 | | | | | 8.277.000.000 | | |
| 1.3 | Sở Giáo dục và Đào tạo: Dự án trường THPT Chuyên Tiền Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 66.500.000.000 | | | | | 66.500.000.000 | | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2015 tỉnh Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.618.133.262 | 183.589.791 | 8.986.221 | 1.425.557.250 | | | | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 192.576.012đ |
| 2.1 | DNTN xây dựng Thành An (CCT Tp Bến Tre) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 30.163.273 | 30.163.273 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.2 | DNTN Xây dựng Đại Phát (CCT Tp Bến Tre) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 61.960.651 | 59.373.881 | 2.586.770 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.3 | DNTN VLXD Hoàng Trường (CCT huyện Thạnh Phú) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 66.305.105 | 66.305.105 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.3 | DNTN VLXD Tám Dương (CCT huyện Mô Cày Bắc) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 34.146.983 | 27.747.532 | 6.399.451 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.4 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.425.557.250 | 0 | 0 | 1.425.557.250 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Đoàn kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách năm 2015 huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre | | | | | | | | |
| | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Châu Thành: Dự án: Trường THCS Tiên Thủy | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 29.739.000 | 0 | 0 | 0 | 29.739.000 | 0 | 0 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 là 29.739.000 đồng, số còn lại chưa thực hiện là 0 đồng |
| 4 | Đoàn kiểm toán NSDP 2015 tỉnh Trà Vinh | | | | | | | | |
| | Dự án Trung tâm Hội nghị thuộc Trung tâm Chính trị - Hành chính tỉnh Trà Vinh (dự án lập lại) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 566.656.000 | 0 | 0 | 0 | 566.656.000 | 0 | 0 | |
| 5 | Đoàn kiểm toán Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60 (tỉnh Trà Vinh – Bến Tre) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 81.470.449.883 | | | | | 72.329.576.040 | 9.140.873.843 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 9.014.858.843đ |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-----|--|-----------------|---------------|---------------|-------------|----------------|------------------------------|----------------|--|
| 5.1 | Tại Ban Quản lý dự án 7: Dự án thành phần 2 (Gói thầu Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, cắm mốc chỉ giới GPMB, mốc lộ giới) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | -126.015.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | -126.015.000 | | |
| 5.2 | Tại Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên: Dự án thành phần 1 (Phần vốn BOT) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 67.860.304.658 | 0 | 0 | 0 | 0 | 58.719.430.815 | 9.140.873.843 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 9.140.873.843 đ |
| 5.3 | Huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh: Tiểu dự án giải phóng mặt bằng tỉnh Trà Vinh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 13.736.160.225 | 0 | 0 | 0 | 0 | 13.736.160.225 | 0 | |
| X | Năm kiểm toán 2017 (niên độ được kiểm toán 2016) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 117.344.481.809 | 8.116.693.143 | 0 | 89.069.215 | 12.432.465.150 | 0 | 96.706.254.301 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 15.152.984.887đ |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2016 tỉnh Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.917.490.673 | 282.255.288 | 0 | 58.398.215 | 321.208.791 | 0 | 2.255.628.379 | |
| 1.1 | Công ty CP nước và môi trường Cửu Long (Cục Thuế Vĩnh Long) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 10.302.162 | 10.302.162 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.2 | Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Tam Bình | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 271.953.126 | 271.953.126 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.3 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 58.398.215 | 0 | 0 | 58.398.215 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.4 | Trường Trung học phổ thông Lưu Văn Liệt (Dự án Khối 17 phòng học và các khối phụ trợ thuộc Trường Trung học phổ thông Lưu Văn Liệt) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 92.658.000 | 0 | 0 | 0 | 92.658.000 | 0 | 0 | |
| 1.5 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Long (Trụ sở làm việc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Long) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 79.658.000 | 0 | 0 | 0 | 79.658.000 | 0 | 0 | |
| 1.6 | Ban QLDA ĐTXD huyện Long Hồ (Dự án Tuyển dân cư và nhà ở vùng ngập lũ (giai đoạn 2) xã Phú Quới) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 114.249.791 | 0 | 0 | 0 | 114.249.791 | 0 | 0 | |
| 1.7 | Ban QLDA ĐTXD huyện Tam Bình (Trường Mầm non Hoa Mai, huyện Tam Bình) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 34.643.000 | 0 | 0 | 0 | 34.643.000 | 0 | 0 | |
| 1.8 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Song Phú (Nguồn vốn nhà đầu tư) (Dự án đầu tư xây dựng chợ và phố chợ Song Phú) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.255.628.379 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.255.628.379 | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2016 tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Thành phố Cao Lãnh (Phòng Tài chính - Kế hoạch) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 15.441.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 15.441.000 | |
| 3 | Đoàn kiểm toán NSDP 2016 tỉnh An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 17.291.607.855 | 7.834.437.855 | | 30.671.000 | 9.426.499.000 | | | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 9.908.637.855đ |
| 3.1 | Công ty TNHH MTV SX TM XNK Diệu Thiện (Cục Thuế) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.369.517.324 | 2.369.517.324 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.2 | Công ty CP Xây dựng TM & ĐT Huy Ngọc Hưng (Cục Thuế) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 5.464.920.531 | 5.464.920.531 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.3 | UBND huyện Tịnh Biên/ Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Tịnh Biên | | | | | | | | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-----|---|-----------------|-------------|---------------|----------------|---------------|------------------------------|-----------------|--|
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.297.658.000 | 0 | 0 | 0 | 1.297.658.000 | 0 | 0 | |
| 3.4 | UBND huyện Châu Phú/ Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Châu Phú, tỉnh An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 375.835.000 | 0 | 0 | 0 | 375.835.000 | 0 | 0 | |
| 3.5 | Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Châu Thành | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 400.707.000 | 0 | 0 | 30.671.000 | 370.036.000 | 0 | 0 | |
| 3.6 | Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện An Phú | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 46.665.000 | 0 | 0 | 0 | 46.665.000 | 0 | 0 | |
| 3.7 | Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh An Giang/ Ban quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 7.336.305.000 | 0 | 0 | 0 | 7.336.305.000 | 0 | 0 | |
| 4 | Đoàn kiểm toán hoạt động việc quản lý, sử dụng ngân sách Tp Long Xuyên - An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 109.106.000 | 0 | 0 | 0 | 109.106.000 | 0 | 0 | |
| 5 | Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng cầu Long Bình – Chrey Thom nối hai tỉnh An Giang (Việt Nam) và tỉnh Kandal (Campuchia) | | | | | | | | |
| | Ban QLDA 7 | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 264.236.000 | 0 | 0 | 0 | 264.236.000 | 0 | 0 | |
| 6 | Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Mỹ Lợi (Km34+826 - QL50) trên địa bàn tỉnh Long An và Tiền Giang theo hình thức hợp đồng BOT | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 96.746.600.281 | | | | 2.311.415.359 | | 94.435.184.922 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 2.311.415.359đ |
| 6.1 | Công ty CP đầu tư cầu Mỹ Lợi (nay là Công ty TNHH đầu tư cầu Mỹ Lợi) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 94.435.184.922 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 94.435.184.922 | |
| 6.2 | Ban QLDA 7 | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.311.415.359 | 0 | 0 | 0 | 2.311.415.359 | 0 | 0 | |
| XI | Năm kiểm toán 2018 (niên độ được kiểm toán 2017) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 186.899.075.524 | 158.488.800 | 0 | 15.166.377.452 | 2.304.933.721 | | 169.269.275.551 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 176.557.564.044đ |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2017 tỉnh Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 178.212.496.803 | 158.488.800 | | 14.799.488.452 | 775.244.000 | | 162.479.275.551 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023, số còn lại chưa thực hiện 168.653.810.323đ |
| 1.1 | Công ty TNHH Huy Chanh (CCT huyện Ba Tri) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 158.488.800 | 158.488.800 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số tiền 90.000.000 đồng, số còn lại chưa thực hiện 68.488.800 đồng |
| 1.2 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 13.050.426.952 | 0 | 0 | 13.050.426.952 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.3 | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 558.334.200 | 0 | 0 | 510.417.000 | 0 | 0 | 47.917.200 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số tiền 508.000.000 đồng, số còn lại chưa thực hiện 50.334.200đ |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi DT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|------|---|-----------------|----------|---------------|---------------|-------------|------------------------------|-----------------|--|
| 1.4 | Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 8.145.760.000 | 0 | 0 | 160.200.000 | 0 | 0 | 7.985.560.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số tiền 7.390.570.000 đồng, số còn lại chưa thực hiện 755.190.000đ |
| 1.5 | Sở Giao thông vận tải | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.546.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.546.000.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số tiền 1.546.000.000 đồng, số còn lại chưa thực hiện 0 đồng |
| 1.6 | Sở Giáo dục Đào tạo | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 24.116.480 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 24.116.480 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số tiền 24.116.480 đồng, số còn lại chưa thực hiện 0 đồng |
| 1.7 | Huyện Chợ Lách | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 5.195.270.322 | 0 | 0 | 1.078.444.500 | 166.330.000 | 0 | 3.950.495.822 | |
| 1.8 | Huyện Ba Tri | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 110.876.476.328 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 110.876.476.328 | |
| 1.9 | Huyện Giồng Trôm | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 9.520.624.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 9.520.624.000 | |
| 1.10 | Huyện Bình Đại | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 28.528.085.721 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 28.528.085.721 | |
| 1.11 | Chủ đầu tư: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 485.051.000 | 0 | 0 | 0 | 485.051.000 | 0 | 0 | |
| 1.12 | Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 123.863.000 | 0 | 0 | 0 | 123.863.000 | 0 | 0 | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2017 tỉnh Trà Vinh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 628.880.000 | | | | 628.880.000 | | | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 604.353.000đ |
| 2.1 | Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh (Dự án Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Trà Vinh do Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 604.353.000 | 0 | 0 | 0 | 604.353.000 | 0 | 0 | 604.353.000 |
| 2.2 | Phòng Kinh Tế -Hạ tầng huyện Duyên Hải (Dự án Đường nhựa vào Trường Mẫu giáo thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 24.527.000 | 0 | 0 | 0 | 24.527.000 | 0 | 0 | |
| 3 | Đoàn kiểm toán NSDP 2017 tỉnh Tiền Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 509.400.721 | | | 366.889.000 | 142.511.721 | | | |
| 3.1 | Sở Tài chính: Đối chiếu sự nghiệp có tính chất đầu tư | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 366.889.000 | 0 | 0 | 366.889.000 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.2 | Dự án Gây bồi, tạo bãi trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển Gò Công (đoạn từ Km24+080 -Km25+500) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 142.511.721 | 0 | 0 | 0 | 142.511.721 | 0 | 0 | |
| 4 | Đoàn kiểm toán Chuyên đề hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển tại tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Tiền Giang | | | | | | | | |
| | Quỹ đầu tư phát triển tỉnh An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 6.790.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 6.790.000.000 | |

| TT | Chỉ tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi DT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-------------|--|-----------------|---------------|---------------|-----------------|----------------|------------------------------|----------------|--|
| 5 | Đoàn kiểm toán Chuyên đề hoạt động của Dự án Quản lý và Giảm nhẹ rủi ro hạn hán Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang | | | | | | | | |
| | Ban quản lý các Tiểu dự án thuộc dự án RETA tỉnh Tiền Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 758.298.000 | 0 | 0 | 0 | 758.298.000 | 0 | 0 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số tiền 758.298.000 đồng, số còn lại chưa thực hiện 0 đồng |
| XII | Năm kiểm toán 2019 (miền độ được kiểm toán 2018) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 191.492.151.826 | 6.191.859.173 | 0 | 101.016.557.957 | 79.843.177.930 | 0 | 4.440.556.766 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 178.005.755.169 đ |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2018 tỉnh An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 5.500.036.011 | 3.669.992.610 | | | 1.830.043.401 | | | |
| 1.1 | Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 750.943.377 | 750.943.377 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.2 | Bệnh viện Sản Nhi tỉnh (Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.279.474.868 | 2.279.474.868 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.3 | Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh (Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 497.554.173 | 497.554.173 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.4 | Bệnh viện Tim mạch (Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 80.020.747 | 80.020.747 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.5 | Bệnh viện Mắt-TMH-RHM (Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 61.999.445 | 61.999.445 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.6 | UBND Tp. Long Xuyên | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 146.979.000 | 0 | 0 | 0 | 146.979.000 | 0 | 0 | |
| 1.7 | UBND huyện Thoại Sơn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 391.448.401 | 0 | 0 | 0 | 391.448.401 | 0 | 0 | |
| 1.8 | UBND huyện Chợ Mới | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 482.920.000 | 0 | 0 | 0 | 482.920.000 | 0 | 0 | |
| 1.9 | Thị xã Tân Châu (Dự án Trường THCS Phú Vĩnh) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 681.252.000 | 0 | 0 | 0 | 681.252.000 | 0 | 0 | |
| 1.10 | Huyện Phú Tân | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 127.444.000 | 0 | 0 | 0 | 127.444.000 | 0 | 0 | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2018 tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 165.489.422.418 | 0 | 0 | 95.044.875.000 | 70.387.101.418 | 0 | 57.446.000 | |
| 2.1 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 90.534.176.000 | 0 | 0 | 90.534.176.000 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.2 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 4.510.699.000 | 0 | 0 | 4.510.699.000 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.3 | Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp (nay là Công ty CP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp) (Dự án Hệ thống thoát nước thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 64.007.306.785 | 0 | 0 | 0 | 64.007.306.785 | 0 | 0 | |

| TT | Chỉ tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi DT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|------|---|----------------|-------------|---------------|---------------|---------------|------------------------------|----------------|--|
| 2.4 | Đài phát thanh - truyền hình Đồng Tháp (Trung tâm kỹ thuật phát thanh - truyền hình Đồng Tháp) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 163.158.000 | 0 | 0 | 0 | 163.158.000 | 0 | 0 | |
| 2.5 | Công ty TNHH MTV xây lắp và VLXD Đồng Tháp (nay là Công ty CP xây lắp và VLXD Đồng Tháp); UBND huyện Châu Thành (Hợp phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Lập xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 4.516.330.633 | 0 | 0 | 0 | 4.516.330.633 | 0 | 0 | |
| 2.6 | Sở Lao động, Thương binh và xã hội (Trường Trung cấp nghề - Giáo dục thường xuyên Thanh Bình (giai đoạn I)) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 499.152.000 | 0 | 0 | 0 | 499.152.000 | 0 | 0 | |
| 2.7 | Ban QLDA xây dựng huyện Lai Vung (Đường Ngô Gia Tự (đoạn nối Quốc lộ 54 đến cầu Long Thành), hạng mục: Đường giao thông, công ngang đường, cầu rạch Ông Chánh, rạch Bà Nhiêu) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 489.254.000 | 0 | 0 | 0 | 489.254.000 | 0 | 0 | |
| 2.8 | UBND huyện Cao Lãnh (Bờ kè chống sạt lở và bảo vệ khu dân cư thị trấn Mỹ Thọ huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 104.790.000 | 0 | 0 | 0 | 104.790.000 | 0 | 0 | |
| 2.9 | Trung tâm phát triển quỹ nhà đất Đồng Tháp (Đường DT 853 nối dài (giai đoạn I)) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 33.630.000 | 0 | 0 | 0 | 33.630.000 | 0 | 0 | |
| 2.10 | Thị xã Hồng Ngự | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 550.122.000 | 0 | 0 | 0 | 550.122.000 | 0 | 0 | |
| 2.11 | Chuyên đề CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018 | | | | | | | | |
| | Huyện Hồng Ngự | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 23.358.000 | 0 | 0 | 0 | 23.358.000 | 0 | 0 | |
| 2.12 | Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Lai Vung; dự án Đường Ngô Gia Tự (đoạn nối Quốc lộ 54 đến cầu Long Thành), | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 57.446.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 57.446.000 | |
| 3 | Đoàn kiểm toán NSDP 2018 tỉnh Hậu Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 6.340.904.012 | 101.474.465 | 0 | 2.246.640.547 | | | 3.992.789.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 75.700.000đ |
| 3.1 | Công ty CP thức ăn chăn nuôi Rico Hậu Giang (Cục Thuế) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 82.373.310.000 | 82.373.310 | 0 | 0,000 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.2 | DNTN Tinh Sáng (CCT Châu Thành A) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 19.101.155.000 | 19.101.155 | 0 | 0,0000 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.3 | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 75.700.000 | 0 | 0 | 75.700.000 | 0,000000 | 0 | 0 | |
| 3.4 | Huyện Châu Thành A | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 85.940.547 | 0 | 0 | 85940547 | 0,000000 | 0 | 0 | |
| 3.5 | Huyện Châu Thành | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 72.000.000 | 0 | 0 | 72.000.000 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.6 | Chuyên đề CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018: Sở Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.013.000.000 | 0 | 0 | 2.013.000.000 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.7 | Ban QLDA - ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hậu Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 3.992.789.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3.992.789.000 | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi DT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|------|---|-----------------|---------------|---------------|----------------|----------------|------------------------------|-----------------|---|
| 4 | Đoàn kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 của các tỉnh An Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.420.392.098 | 2.420.392.098 | | | | | | |
| 4.1 | Tỉnh An Giang: Công ty Cổ phần Du lịch An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.363.994.515 | 2.363.994.515 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4.2 | Tỉnh Bến Tre: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 56.397.583 | 56.397.583 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 5 | Đoàn kiểm toán việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các bệnh viện công lập, các trường đại học công lập giai đoạn 2016 – 2018; Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2016 – 2020 tại các tỉnh Bến Tre, Tiền Giang và Trà Vinh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 4.218.973.876 | | | 3.725.042.410 | 413.931.466 | | 80.000.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 4.209.882.876đ |
| 5.1 | Tỉnh Bến Tre: Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 4.129.882.876 | 0 | 0 | 3.725.042.410 | 404.840.466 | 0 | 0 | |
| 5.2 | Tỉnh Bến Tre: huyện Bình Đại | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 80.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 80.000.000 | |
| 5.3 | Tỉnh Trà Vinh: huyện Trà Cú | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 9.091.000 | 0 | 0 | 0 | 9.091.000 | 0 | 0 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023, số còn lại chưa thực hiện 0đ |
| 6 | Đoàn kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - CTCP | | | | | | | | |
| | Công ty mẹ - Tổng Công ty VLXD số 1 | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 310.321.766 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 310.321.766 | |
| 7 | Đoàn kiểm toán Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 7.212.101.645 | 0 | 0 | 0 | 7.212.101.645 | 0 | 0 | |
| XIII | Năm kiểm toán 2020 (niên độ được kiểm toán 2019) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 518.034.682.099 | 1.031.413.111 | | 20.168.471.808 | 69.908.808.067 | | 426.925.989.113 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 286.333.614.578đ |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2019 tỉnh Bến Tre | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 25.478.544.348 | 869.284.148 | 0 | 12.205.723.289 | 1.679.313.000 | 0 | 10.724.223.911 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 15.976.992.023đ |
| 1.1 | Chi cục Thuế khu vực Bến Tre - Châu Thành (huyện Châu Thành) (DNTN Giày Khuê Hưng) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 858.619.710 | 858.619.710 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.2 | Chi cục Thuế khu vực Mô Cây Nam - Thạnh Phú (huyện Thạnh Phú) (Công ty TNHH MTV Thế Anh Bến Tre (hồ sơ kiểm tra)) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 10.664.438 | 10.664.438 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.3 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 12.843.513.000 | 0 | 0 | 6.986.513.000 | 0 | 0 | 5.857.000.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 12.352.043.000 đ |
| 1.4 | Sở Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 19.792.000 | 0 | 0 | 19.792.000 | 0 | 0 | 0 | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-------------|--|-----------------|----------|---------------|---------------|---------------|------------------------------|-----------------|---|
| 1.5 | Huyện Châu Thành | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 5.452.038.274 | 0 | 0 | 2.836.784.289 | 0 | 0 | 2.615.253.985 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 2.402.415.985đ |
| 1.6 | Huyện Mỏ Cày Nam | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 3.327.022.481 | 0 | 0 | 2.362.634.000 | 573.747.000 | 0 | 390.641.481 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023, số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 46.451.300đ |
| 1.7 | Huyện Thạnh Phú: Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Phú (Dự án Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch Côn Bưng xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (đường từ Nghĩa trang liệt sĩ Hồ Chí Minh đến Côn Bưng)) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 431.692.300 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 431.692.300 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 230.654.300đ |
| 1.8 | Ban quản lý dự án Phát triển hạ tầng các khu công nghiệp tỉnh Bến Tre (Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Giao Long (giai đoạn 2), huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.075.261.000 | 0 | 0 | 0 | 1.075.261.000 | 0 | 0 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 914.971.000đ |
| 1.9 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre (Dự án Nhà văn hóa trung tâm tỉnh Bến Tre) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 30.305.000 | 0 | 0 | 0 | 30.305.000 | 0 | 0 | |
| 1.10 | Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Bến Tre (Dự án: Đầu tư xây dựng công trình ĐH.173) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.429.636.145 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.429.636.145 | |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2019 tỉnh Trà Vinh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 278.784.603.100 | | | 77.493.000 | 8.647.370.829 | | 270.059.739.271 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 92.032.992.359 đ |
| 2.1 | Sở Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 27.493.000 | 0 | 0 | 27.493.000 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.2 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 171.825.913.075 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 171.825.913.075 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 80.500.000.000đ |
| 2.3 | Sở Giao thông vận tải | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 33.665.387.159 | 0 | 0 | 0 | 792.868.000 | 0 | 32.872.519.159 | |
| 2.4 | Sở Xây dựng (Dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 31.904.990.233 | 0 | 0 | 0 | 7.652.912.829 | 0 | 24.252.077.404 | |
| 2.5 | Thị xã Duyên Hải | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 50.000.000 | 0 | 0 | 50.000.000 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.6 | UBND huyện Duyên Hải (Dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm hành chính huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.505.099.518 | 0 | 0 | 0 | 113.360.000 | 0 | 695.869.759 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 695.869.759đ |
| 2.7 | Thị xã Duyên Hải | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 88.230.000 | 0 | 0 | 0 | 88.230.000 | 0 | 0 | |
| 2.8 | Huyện Tiểu Cần | | | | | | | | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-------------|--|----------------|-------------|---------------|---------------|---------------|------------------------------|----------------|--|
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 141.742.948 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 141.742.948 | |
| 2.9 | Huyện Trà Cú | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 10.787.122.600 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 10.787.122.600 | |
| 2.10 | Cục Thuế | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 29.484.494.326 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 29.484.494.326 | |
| 3 | Đoàn kiểm toán NSDP 2019 tỉnh Tiền Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 55.724.337.857 | 162.128.963 | | 7.504.029.262 | 1.493.107.000 | | 46.565.072.632 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 20.276.433.402đ |
| 3.1 | Chi cục Thuế khu vực Chợ Gạo - Gò Công Tây (đơn vị Gò Công Tây): DNTN Đầu tư Xây dựng Phước Hậu | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 70.992.356 | 70.992.356 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.2 | Công Ty TNHH MTV Long Uyên-Tiền Giang (Cục Thuế quản lý) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 6.341.280 | 6.341.280 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.3 | Công ty CP TS Ngọc Xuân (Cục Thuế quản lý) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 3.071.040 | 3.071.040 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.4 | DNTN Mạnh Hùng (địa bàn huyện Châu Thành) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 9.597.395 | 9.597.395 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.4 | DNTN Cấp Nước Long Định 2 (địa bàn huyện Châu Thành) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 17.146.000 | 17.146.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.5 | DNTN Cấp Nước Long Định (địa bàn huyện Châu Thành) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.470.400 | 1.470.400 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.6 | DNTN cung cấp nước Trung A (địa bàn huyện Châu Thành) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 9.483.600 | 9.483.600 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.7 | DNTN Sông Thu (địa bàn huyện Cai Lậy) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.365.060 | 1.365.060 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.8 | Công ty TNHH Xăng Dầu Gia Hân (địa bàn huyện Tân Phước) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 24.994.632 | 24.994.632 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.9 | DNTN Đại Sinh Phát (Địa bàn huyện Gò Công Đông) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 17.667.200 | 17.667.200 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.8 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 24.529.136.070 | 0 | 0 | 4.017.957.907 | 0 | 0 | 20.511.178.163 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 1.726.058.350đ |
| 3.9 | Huyện Châu Thành | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 6.120.646.953 | 0 | 0 | 1.821.546.041 | 0 | 0 | 4.299.100.912 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 3.570.672.888đ |
| 3.10 | Huyện Chợ Gạo | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.070.862.744 | 0 | 0 | 0 | 333.415.000 | 0 | 737.447.744 | |
| 3.11 | Thị xã Gò Công | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 3.268.713.575 | 0 | 0 | 1.399.922.648 | 118.093.000 | 0 | 1.750.697.927 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 1.406.501.057đ |
| 3.12 | Huyện Gò Công Tây | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 12.156.284.666 | 0 | 0 | 264.602.666 | 0 | 0 | 11.891.682.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 11.891.682.000đ |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-------|--|-----------------|----------|---------------|-------------|----------------|------------------------------|----------------|---|
| 3.13 | UBND huyện Cai Lậy (Dự án Đường Bình Phú - Bình Thạnh (Đường huyện 65)) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 280.312.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 280.312.000 | |
| 3.14 | UBND huyện Cái Bè | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.692.831.691 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.692.831.691 | |
| 3.15 | Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.419.275.631 | 0 | 0 | 0 | 60.473.000 | 0 | 2.358.802.631 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 60.473.000đ |
| 3.16 | UBND thành phố Mỹ Tho (Dự án Trường Trung học cơ sở Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 943.765.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 943.765.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 406.874.000đ |
| 3.17 | Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.080.380.564 | 0 | 0 | 0 | 981.126.000 | 0 | 1.099.254.564 | |
| 4 | Đoàn kiểm toán Chuyên đề việc kiểm toán việc quản lý sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2019 của tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 158.047.196.794 | | | 381.226.257 | 58.089.017.238 | | 99.576.953.299 | |
| 4.1 | Tỉnh Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 84.356.087.765 | 0 | 0 | 381.226.257 | 35.000.332.249 | 0 | 48.974.529.259 | |
| 4.1.1 | UBND huyện Mang Thít | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 5.146.079 | 0 | 0 | 5.146.079 | 0 | 0 | 0 | |
| 4.1.2 | UBND Thị xã Bình Minh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 339.095.400 | 0 | 0 | 339.095.400 | 0 | 0 | 0 | |
| 4.1.3 | UBND huyện Trà Ôn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 36.984.778 | 0 | 0 | 36.984.778 | 0 | 0 | 0 | |
| 4.1.4 | UBND huyện Tam Bình | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 108.383.000 | 0 | 0 | 0 | 108.383.000 | 0 | 0 | |
| 4.1.5 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 11.751.506.259 | 0 | 0 | 0 | 1.997.550.000 | 0 | 9.753.956.259 | |
| 4.1.6 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Vĩnh Long (Dự án Cầu Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 164.907.450 | 0 | 0 | 0 | 3.804.450 | 0 | 161.103.000 | |
| 4.1.7 | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 40.044.000 | 0 | 0 | 0 | 4.400.000 | 0 | 35.644.000 | |
| 4.1.8 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trà Ôn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 56.725.000 | 0 | 0 | 0 | 56.725.000 | 0 | 0 | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|--------|--|----------------|----------|---------------|-------------|----------------|------------------------------|----------------|---|
| 4.1.9 | Trường THPT Tam Bình (Xây dựng khối 6 phòng (1 trệt + 2 lầu + cầu thang) và thiết bị (thay thế khối 05 phòng cũ đã xuống cấp nghiêm trọng) (đợt 2)) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 68.009.000 | 0 | 0 | 0 | 68.009.000 | 0 | 0 | |
| 4.1.10 | Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long (Nâng cấp, sửa chữa Hệ thống xử lý nước thải) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 7.474.000 | 0 | 0 | 0 | 7.474.000 | 0 | 0 | |
| 4.1.11 | Công ty Cổ phần Du Lịch Sài Gòn - Vĩnh Long (Khách sạn 4 sao Sài Gòn - Vĩnh Long) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 41.305.024.799 | 0 | 0 | 0 | 32.753.986.799 | 0 | 8.551.038.000 | |
| 4.1.12 | Sở Y tế (Dự án Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long (phần xây dựng mới)) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 29.446.467.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 29.446.467.000 | |
| 4.1.13 | Sở Lao động Thương binh và Xã hội (Cải tạo, nâng cấp Trung tâm điều trị nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Long) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 618.700.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 618.700.000 | |
| 4.1.14 | Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Bình Minh (Trường Trung học cơ sở Thành Phước, phường Thành Phước, thị xã Bình Minh) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 407.621.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 407.621.000 | |
| 4.2 | Tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 73.691.109.029 | | | | 23.088.684.989 | | 50.602.424.040 | |
| 4.2.1 | Sở Tài chính (Dự án đối chiếu + Đối chiếu nguồn vốn XSKT) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 50.172.203.152 | 0 | 0 | 0 | 3.965.072.000 | 0 | 46.207.131.152 | |
| 4.2.2 | Kiểm toán tổng hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 8.516.000.000 | 0 | 0 | 0 | 8.516.000.000 | 0 | 0 | |
| 4.2.3 | Đối chiếu Ban QLDA ĐTXD Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 79.365.000 | 0 | 0 | 0 | 79.365.000 | 0 | 0 | |
| 4.2.4 | Sở Giao thông Vận tải | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 5.942.720.000 | 0 | 0 | 0 | 2.469.225.000 | 0 | 3.473.495.000 | |
| 4.2.5 | UBND thành phố Cao Lãnh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 85.238.000 | 0 | 0 | 0 | 85.238.000 | 0 | 0 | |
| 4.2.6 | Ban quản lý Dự án xây dựng huyện Lai Vung (nay là Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Lai Vung) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 180.827.000 | 0 | 0 | 0 | 180.827.000 | 0 | 0 | |
| 4.2.7 | Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Thanh Bình (Trường Trung học cơ sở Tân Quới; hạng mục 15 phòng học, 6 phòng chức năng, công + đường đan, nhà bảo vệ, san lấp mặt bằng) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 95.937.000 | 0 | 0 | 0 | 95.937.000 | 0 | 0 | |
| 4.2.8 | Công ty TNHH Một thành viên Xô số kiến thiết tỉnh Đồng Tháp (Dự án Trụ sở Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Đồng Tháp) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 8.150.492.877 | 0 | 0 | 0 | 7.697.020.989 | 0 | 453.471.888 | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-------|---|-------------------|---------------|---------------|-----------------|----------------|------------------------------|-------------------|---|
| 4.2.9 | Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tam Nông (Đường An Hòa - Hòa Bình, huyện Tam Nông (đoạn từ cầu kênh K8 đến cầu kênh Tân Công Sính 1)) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 468.326.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 468.326.000 | |
| XIV | Năm kiểm toán 2021 (niên độ được kiểm toán 2020) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.399.339.107.021 | 1.872.112.484 | 0 | 107.912.280.880 | 44.626.339.105 | 0 | 1.244.928.374.552 | |
| 1 | Đoàn kiểm toán NSDP 2020 tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 593.240.344.907 | 498.391.527 | | 75.340.168.834 | 5.377.252.000 | | 512.024.532.546 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 573.594.439.406đ |
| 1.1 | Công ty CP Xây lắp và VLXD Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 498.391.527 | 498.391.527 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1.2 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 558.786.275.174 | 0 | 0 | 65.434.087.834 | 0 | 0 | 493.352.187.340 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 543.839.499.672đ |
| 1.3 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 424.864.000 | 0 | 0 | 0 | 62.118.000 | 0 | 362.746.000 | |
| 1.4 | Huyện Hồng Ngự | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 3.275.358.000 | 0 | 0 | 2.933.970.000 | 142.552.000 | 0 | 198.836.000 | |
| 1.5 | Huyện Tam Nông | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 3.491.620.000 | 0 | 0 | 139.129.000 | 2.061.686.000 | 0 | 1.290.805.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 2.200.815.000đ |
| 1.6 | Huyện Thanh Bình | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 9.305.078.000 | 0 | 0 | 6.832.982.000 | 2.428.096.000 | 0 | 44.000.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 6.929.717.000 đ |
| 1.7 | Thành phố Sa Đéc | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 290.124.000 | 0 | 0 | 0 | 290.124.000 | 0 | 0 | |
| 1.8 | Thành phố Cao Lãnh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 10.893.130.206 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 10.893.130.206 | |
| 1.9 | Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Châu Thành (Trường Trung học cơ sở Tân Nhuận Đông) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 108.936.000 | 0 | 0 | 0 | 108.936.000 | 0 | 0 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 58.936.000đ |
| 1.10 | Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 5.913.062.000 | 0 | 0 | 0 | 30.234.000 | 0 | 5.882.828.000 | |
| 1.11 | Vườn quốc gia Tràm Chim | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 253.506.000 | 0 | 0 | 0 | 253.506.000 | 0 | 0 | Đã thực hiện năm 2023 |
| 2 | Đoàn kiểm toán NSDP 2020 tỉnh Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 518.289.175.293 | 1.076.443.476 | | 30.806.082.608 | 2.880.875.148 | | 483.525.774.061 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 518.216.572.548đ |
| 2.1 | Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (Cục Thuế) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 675.850.653 | 675.850.653 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.2 | Công ty Cổ phần Thuận Tiến Bình Minh (Cục Thuế) | | | | | | | | |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-------------|--|-----------------|-------------|---------------|----------------|----------------|------------------------------|-----------------|---|
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 158.890.698 | 158.890.698 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.3 | Công ty TNHH Bệnh viện Sản nhi Vĩnh Long (Cục Thuế) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 241.702.125 | 241.702.125 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2.4 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 458.139.945.803 | 0 | 0 | 29.059.940.826 | 0 | 0 | 429.080.004.977 | |
| 2.5 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 336.550.476 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 336.550.476 | |
| 2.6 | Huyện Long Hồ | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 2.173.928.181 | 0 | 0 | 1.379.508.791 | 762.919.390 | 0 | 31.500.000 | |
| 2.7 | Thành phố Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 250.037.745 | 0 | 0 | 72.602.745 | 0 | 0 | 177.435.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 177.435.000đ |
| 2.8 | Huyện Vũng Liêm | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.835.582.554 | 0 | 0 | 26.473.554 | 63.000.00 | 0 | 1.809.046.000 | |
| 2.9 | Huyện Tam Bình | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 739.752.692 | 0 | 0 | 267.556.692 | 168.196.000 | 0 | 304.000.000 | |
| 2.10 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 1.237.040.000 | 0 | 0 | 0 | 918.263.000 | 0 | 318.777.000 | |
| 2.11 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 608.455.758 | 0 | 0 | 0 | 608.455.758 | 0 | 0 | |
| 2.12 | Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long (Bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh số 3, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 422.978.000 | 0 | 0 | 0 | 422.978.000 | 0 | 0 | |
| 2.13 | Kho bạc nhà nước Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 51.468.460.608 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 51.468.460.608 | |
| 3 | Đoàn kiểm toán NSDP 2020 tỉnh An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 75.080.603.947 | 297.277.481 | | 1.766.029.438 | 24.086.961.957 | | 48.930.335.071 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số tiền 11.753.267.000 đồng, số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 63.327.336.947 đồng |
| 3.1 | Công ty TNHH Nguyên Phương (Cục Thuế) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 297.277.481 | 297.277.481 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.2 | Sở Tài chính | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 307.967.000 | 0 | 0 | 62.681.000 | 0 | 0 | 245.286.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 62.681.000đ |
| 3.3 | Thành phố Long Xuyên | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 32.615.019.071 | 0 | 0 | 1.509.998.000 | 317.209.500 | 0 | 30.787.336.071 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 32.572.310.571 đ |
| 3.4 | Huyện Thoại Sơn | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 3.021.809.438 | 0 | 0 | 193.350.438 | 438.459.000 | 0 | 2.390.000.000 | Đã thực hiện bổ sung trong năm 2023 số kiến nghị còn lại chưa thực hiện là 2.991.448.437,74727đ |
| 3.5 | Thành phố Châu Đốc | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 11.033.317.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 11.033.317.000 | Đã thực hiện năm 2023 |
| 3.6 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh An Giang | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 166.542.000 | 0 | 0 | 0 | 133.548.000 | 0 | 32.994.000 | Đã thực hiện bổ sung năm 2023 còn lại 46.571.000 đ |

| TT | Chi tiêu | Tổng số | Tăng thu | Tăng thu khác | Giảm chi TX | Giảm chi ĐT | Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC | Kiến nghị khác | Ghi chú/ thực hiện bổ sung đầu năm 2023 |
|-----|---|-----------------|----------|---------------|-------------|----------------|------------------------------|-----------------|---|
| 3.7 | Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân (Dự án Tuyển dân cư Phú Hiệp - Hòa Lạc) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 942.415.994 | 0 | 0 | 0 | 942.415.994 | 0 | 0 | |
| 3.8 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Tịnh Biên (Dự án Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến Quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 26.414.632.463 | 0 | 0 | 0 | 22.255.329.463 | 0 | 4.159.303.000 | |
| 3.9 | Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (Dự án Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường bãi rác Bình Đức) | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 282.099.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 282.099.000 | Đã thực hiện năm 2023 |
| 4 | Đoàn kiểm toán Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Tỉnh Vĩnh Long | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 11.001.802.205 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 11.001.802.205 | |
| 4.1 | DNTN Ngọc Vân (Cục Thuế) | | | | | | | | Đề nghị bổ sung |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 638.456.400 | | | | | | 638.456.400 | |
| 4.2 | Chi cục Thuế khu vực II (Thị xã Bình Minh) | | | | | | | | Đề nghị bổ sung |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 10.363.345.805 | | | | | | 10.363.345.805 | |
| 5 | Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý vốn đầu tư dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiêu dự án thành phố Mỹ Tho; dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang | | | | | | | | |
| | Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiêu dự án thành phố Mỹ Tho | | | | | | | | |
| | Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 201.676.779.669 | 0 | 0 | 0 | 12.230.849.000 | 0 | 189.445.930.669 | |
| 6 | Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý vốn đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh và dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp | | | | | | | | |
| | Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh | | | | | | | | |
| | Sở Y tế tỉnh Trà Vinh | | | | | | | | |
| | Số chưa thực hiện (6)=(4-5) | 50.401.000 | 0 | 0 | 0 | 50.401.000 | 0 | 0 | |

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IX

Phụ lục số 02/THDS

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẾN 31/12/2022

Phụ lục kèm theo Công văn số /KV IX-TH ngày / /2023 của Kiểm toán nhà nước khu vực IX

| STT | Tên cơ quan tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị chưa thực hiện | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|------------|--|--|--|--|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| I | Niên độ được kiểm toán 2011 | | | | |
| | UBND tỉnh Bến Tre | NSĐP năm 2011 tỉnh Bến Tre | Xem xét sửa đổi hoặc hủy bỏ các quy định không còn phù hợp với Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 đã được ban hành tại Quyết định số 5809/2001/CT-UB ngày 26/12/2001 về Quy chế tổ chức, quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn. | Đơn vị chưa báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| II | Niên độ được kiểm toán 2012 | | | | |
| | UBND tỉnh Tiền Giang | NSĐP năm 2012 tỉnh Tiền Giang | Xây dựng tiêu chí cơ bản để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. | Đơn vị chưa báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| III | Niên độ được kiểm toán 2013 | | | | |
| | UBND tỉnh Bến Tre | NSĐP năm 2013 tỉnh Bến Tre | Bãi bỏ nội dung giao quản lý đất công cộng diện tích 3.279,6 m ² cho Doanh nghiệp tư nhân quản lý tại Điều 1 Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 31/5/2013; đồng thời thu hồi và giao phần diện tích đất công cộng này cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định. | UBND tỉnh ban hành Quyết định 2510/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 thay thế Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 31/5/2013. Tuy nhiên, Quyết định 2510/QĐ-UBND vẫn cho phép Công ty Cổ phần Du lịch Hoàng Lam thuê đất xây dựng Khách sạn Dừa. Các Sở ngành tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định 2510/QĐ-UBND chưa thực hiện theo kiến nghị kiểm toán. | Do đơn vị được kiểm toán |
| III | Niên độ được kiểm toán 2018 | | | | |
| 1 | Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu (tỉnh Bến Tre) | Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018 và Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại tỉnh Bến Tre | Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, ngày giường điều trị theo yêu cầu (Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu). | Đơn vị đang xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, ngày giường điều trị theo yêu cầu | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | UBND tỉnh Bến Tre | Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018 và Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại tỉnh Bến Tre | UBND tỉnh Bến Tre ban hành quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác để thực hiện CTMTQG trên địa bàn Tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg. | Hiện tình chi có nguồn vốn hỗ trợ mô hình nhân rộng giảm nghèo và mô hình phát triển sản xuất do Trung ương phân bổ từ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, nguồn vốn huy động khác thực hiện chương trình giảm nghèo chưa có. Do đó cơ quan chủ quản chương trình (Sở Lao động Thương binh và xã hội) chưa dự thảo tham mưu trình UBND tỉnh ban hành quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác để thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh. | Do đơn vị được kiểm toán |

| STT | Tên cơ quan tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị chưa thực hiện | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|-----|---|---|--|---|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 3 | HĐND tỉnh Bến Tre | Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018 và Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại tỉnh Bến Tre | HĐND tỉnh: Xem xét sửa đổi, bổ sung việc ban hành mức hỗ trợ hộ nghèo đối với các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực trồng trọt và thủy sản 5 trđ/1.000 m2 tại tiết a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 chưa phù hợp tình hình thực tế của người nghèo. | Căn cứ quy định tại Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 thì việc quyết định mức hỗ trợ cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh trên cơ sở đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tính chất của từng dự án, mô hình và khả năng ngân sách của địa phương và chế độ, định mức chi tiêu hiện hành. Mức hỗ trợ hộ nghèo đối với các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực trồng trọt và thủy sản 5 trđ/1.000 m2 phù hợp với đặc điểm mô hình kinh tế hộ và đặc thù của các dự án do cộng đồng thực hiện để phát triển sản xuất, đa dạng hóa kinh tế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Bến Tre. | Do KTNN |
| 4 | UBND tỉnh An Giang | NSĐP năm 2018 tỉnh An Giang | Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương. | UBND tỉnh chưa trình HĐND tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 5 | UBND tỉnh An Giang | NSĐP năm 2018 tỉnh An Giang | UBND tỉnh: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của tỉnh tham mưu thực hiện: Ban hành quy định về phân cấp thực hiện và hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã; quy định cụ thể về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cho các ngành, các cấp | Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức lấy ý kiến các đơn vị và đang tổng hợp để trình UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang (Báo cáo số 888/BC-SKHĐT ngày 23/12/2022). Các quy định khác Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các đơn vị liên quan rà soát các quy định mới thực hiện giai đoạn 2021-2025 để trình cấp thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách về quản lý điều hành thực hiện Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025 khi có các quy định mới của Trung ương ban hành về việc thực hiện, quản lý các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 6 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Tham mưu UBND tỉnh | Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các bệnh viện công lập, các trường đại học giai đoạn 2016-2018 và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại tỉnh Trà Vinh | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản: - Phân công các Sở, ngành có liên quan chủ trì thực hiện các dự án thành phần của Chương trình theo Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; - Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện chương trình Chương trình MTQG tại địa phương; - Quy định cụ thể về phân cấp quản lý thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn cho các ngành, các cấp; hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn cấp xã; - Xây dựng kế hoạch đánh giá các năm; báo cáo kiểm tra giám sát theo quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02 ban hành theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH. | Đơn vị chưa báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |

| STT | Tên cơ quan tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị chưa thực hiện | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|-----------|------------------------------------|-------------------------------|---|--|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| IV | Niên độ được kiểm toán 2019 | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Bến Tre | NSDP năm 2019 tỉnh Bến Tre | Hủy bỏ các văn bản ban hành nhưng chưa đúng, chưa đảm bảo cơ sở thực hiện gồm: Văn bản số 2030/UBND-VHXH ngày 02/6/2009, Văn bản số 2941/UBND-TCĐT ngày 27/7/2010 chi phụ cấp lương hàng tháng đối với Chủ tịch, phó Chủ tịch hội, Ủy viên thường trực, kế toán, văn thư đối với các hội không đặc thù. | Sở Tài chính đã có Công văn số 2841/STC-TCHCSN ngày 27/8/2020 gửi Sở Nội vụ đề phối hợp tham mưu trình cấp có thẩm quyền cho ý kiến giải quyết đối với khoản chi phụ cấp này; hiện nay Sở Nội vụ cũng đang phối hợp với các cơ quan có liên quan để xem xét tham mưu cho phù hợp. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | UBND tỉnh Tiền Giang | NSDP năm 2019 tỉnh Tiền Giang | Sửa đổi Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 03/4/2014 của UBND tỉnh Tiền Giang quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình vốn ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, do các văn bản áp dụng làm căn cứ để ban hành quyết định này đã hết hiệu lực. | Sở Xây dựng đang dự thảo trình UBND tỉnh hủy bỏ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 03/4/2014 | Do đơn vị được kiểm toán |
| V | Niên độ được kiểm toán 2020 | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Đồng Tháp | NSDP năm 2020 tỉnh Đồng Tháp | UBND tỉnh Đồng Tháp: Ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 221/QĐ-UBND.HC ngày 05/3/2013 cho phù hợp với Nghị định số 23/2020/NĐ-CP; quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 63/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời thực hiện đúng các quy định của pháp luật về khai thác tài nguyên, khoáng sản của nhà nước. | Sở TN&MT đã rà soát các khu vực cấp phép khai thác, đã cấp phép thăm dò, ... lấy ý kiến của các sở, ngành có liên quan và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt thay thế Quyết định số 221/QĐ-UBND.HC ngày 05/3/2013, tại Tờ trình số 647/TTr-STNMT ngày 09/11/2021. Tuy nhiên, UBND tỉnh đang nghiên cứu và sẽ xem xét ký ban hành khi quy hoạch tích hợp tỉnh Đồng Tháp được phê duyệt | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | Sở Tài chính Vĩnh Long | NSDP năm 2020 tỉnh Vĩnh Long | STC tỉnh Vĩnh Long: có văn bản hủy bỏ nội dung Biên bản họp ngày 02/3/2018 giữa STC và Công ty Cổ phần Công trình Công cộng | Sở Tài chính chưa có văn bản hủy bỏ nội dung Biên bản họp ngày 02/3/2018 giữa STC và Công ty Cổ phần Công trình Công cộng. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 3 | UBND tỉnh Vĩnh Long | NSDP năm 2020 tỉnh Vĩnh Long | UBND tỉnh có văn bản sửa đổi, bổ sung: (ii) Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 (tại Điều 2 - ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp huyện) chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ (bổ sung nội dung: công nhận các hội đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp huyện; đồng thời sửa đổi nội dung tại Điều 2: “ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp huyện” thành “ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp xã”). | Địa phương đang kiểm tra, rà soát để tham mưu UBND tỉnh để điều chỉnh cho phù hợp với quy định. | Do đơn vị được kiểm toán |

| KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC | | | | Phụ lục số 03/THDS | |
|--|---|---|--|--|--------------------------|
| KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IX | | | | | |
| TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KTNN VỀ KIỂM ĐIỂM TRÁCH NHIỆM TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẾN 31/12/2022 | | | | | |
| Phụ lục kèm theo Công văn số/KV IX-TH ngày/...../2023 của Kiểm toán nhà nước khu vực IX | | | | | |
| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| I | Niên độ được kiểm toán 2011 | | | | |
| I.1. | Tỉnh Trà Vinh | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2011 tỉnh Trà Vinh | UBND tỉnh xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan: STC thẩm định khi chưa có ý kiến phê duyệt điều chỉnh của UBND tỉnh phân bổ dự toán sử dụng kinh phí hoạt động sự nghiệp (kinh phí không thường xuyên) phân bổ cho các đơn vị trực thuộc với nội dung là kinh phí thường xuyên số tiền 4.788.897.782 đồng (không đúng với Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND tỉnh). | UBND chưa nghiêm túc thực hiện KNKT | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2011 tỉnh Trà Vinh | Kiểm điểm trách nhiệm đối với UBND tỉnh trong việc chậm trễ lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản theo tinh thần Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02/10/2008 của TTCP. | UBND chưa nghiêm túc thực hiện KNKT | Do đơn vị được kiểm toán |
| 3 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2011 tỉnh Trà Vinh | Kiểm điểm trách nhiệm cá nhân đối với UBND tỉnh trong việc cấp giấy phép khai thác cho Công ty TNHH MTV Thành Sơn; Công ty CP Xây dựng Thành Phú khi chưa đủ điều kiện cấp phép và tổ chức khai thác khoáng sản theo quy định. | UBND chưa nghiêm túc thực hiện KNKT | Do đơn vị được kiểm toán |
| 4 | UBND tỉnh Trà Vinh | Chuyên đề quản lý, sử dụng đất giai đoạn 2005-2011 tại tỉnh Trà Vinh năm 2012 | UBND tỉnh Trà Vinh: Kiểm điểm cá nhân và cơ quan tham mưu trong việc xác định đơn giá không đúng đối với dự án Mở rộng phân xưởng Tiểu Cẩn do Công ty TNHH giày da Mỹ Phong làm chủ đầu tư. | UBND chưa nghiêm túc thực hiện KNKT | Do đơn vị được kiểm toán |
| I.2 | Tỉnh Bến Tre | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Bến Tre | NSDP năm 2011 tỉnh Bến Tre | Xác định, xử lý trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tham mưu, chỉ đạo cho khởi công mới những dự án trong năm 2011 không đúng nội dung Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ. | UBND tỉnh đã có thông báo kết luận tại cuộc họp rút kinh nghiệm theo kết luận của KTNN (Đính kèm Thông báo kiểm điểm rút kinh nghiệm số 97/TB-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh) nhưng chưa có biên bản xác định, xử lý trách nhiệm chi tiết của các đơn vị, cá nhân có liên quan. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | UBND tỉnh Bến Tre | NSDP năm 2011 tỉnh Bến Tre | Xác định, xử lý trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc chỉ định thầu trái quy định hiện hành đối với công trình Nâng cấp đường vào xã Thanh Tân đoạn từ QL60 đến đường vào cầu Hàm Luông. | UBND tỉnh đã có thông báo kết luận tại cuộc họp rút kinh nghiệm theo kết luận của KTNN (Đính kèm Thông báo kiểm điểm rút kinh nghiệm số 97/TB-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh) nhưng chưa có biên bản xác định, xử lý trách nhiệm chi tiết của các đơn vị, cá nhân có liên quan. | Do đơn vị được kiểm toán |
| II | Niên độ được kiểm toán 2012 | | | | |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiểm nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|--------------|---|---|---|--|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| II.1 | Tỉnh Đồng Tháp | | | | |
| | UBND tỉnh Đồng Tháp | NSDP năm 2012 tỉnh Đồng Tháp | Chi đạo tập thể, cá nhân có liên quan tổ chức kiểm điểm trong việc xét thầu không phát hiện đơn dự thầu của Công ty CP Vinaconex Sài Gòn không hợp lệ, vi phạm điều kiện tiên quyết theo mục VIII của hồ sơ mời thầu gói thầu số 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu tỉnh Đồng Tháp; không phát hiện phương án thiết kế được chọn có mô đun đàn hồi của kết cấu áo đường thiết kế không đảm bảo mô đun đàn hồi theo tiêu chuẩn 22TCN211-06 (gói thầu số 02 thuộc dự án dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu tỉnh Đồng Tháp). | Ngày 04/12/2012, STC có Quyết định 254/STC-ĐT về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với công trình “Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu”. Ngày 23/01/2013, Công ty cổ phần DOCIMEXCO tổ chức làm việc với Công ty Vinaconex Sài Gòn nhưng do người phụ trách công trình của Vinaconex nghỉ việc nên chưa đi đến kết luận (đính kèm biên bản làm việc ngày 23/01/2013). Hiện tại phía lãnh đạo của Công ty cổ phần DOCIMEXCO cũng nghỉ việc do thực hiện bộ máy tinh giảm biên chế lại nên các đồng chí Lê Nhựt Du; Lưu Vũ Anh và phạm Văn Sơn đã chuyển công tác khác khỏi công ty. | Nguyên nhân khác |
| II.2 | Tỉnh Vĩnh Long | | | | |
| | UBND tỉnh Vĩnh Long | Chuyên đề việc quản lý sử dụng đất, vốn trái phiếu chính phủ (TPCP), chính sách BHYT (BHYT) cho người nghèo; công tác cấp giấy phép, quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản tại tỉnh Vĩnh Long | Xác định và xử lý trách nhiệm của Giám đốc STC và các cá nhân có liên quan trong việc lập hồ sơ, thủ tục cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cửu Long rút tiền NSNN trái quy định. | Sở Tài chính báo cáo: Nội dung này không thuộc trách nhiệm của Sở Tài chính | Do đơn vị được kiểm toán |
| III | Niên độ được kiểm toán 2013 | | | | |
| III.1 | Tỉnh Bến Tre | | | | |
| 1 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bến Tre | NSDP năm 2013 tỉnh Bến Tre | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc nghiệm thu thanh toán vượt giá trị thi công thực tế (bao gồm thanh toán vượt các đợt thanh toán và khối lượng công tác ốp đá grannit tự nhiên vào tường). | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bến Tre chưa thực hiện | Do đơn vị được kiểm toán |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiểm nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|----------------------------|--|---|--|--|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 2 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Bến Tre | Chuyên đề Chương trình MTQG Việc làm và Dạy nghề tỉnh Bến Tre | Giám đốc Sở LD-TB&XH rút kinh nghiệm trong việc chậm tiến độ thực hiện các dự án thành phần thuộc Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2012 - 2013 theo kế hoạch được phê duyệt; thiếu quan tâm trong việc phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 1956 của Tỉnh vận động các nguồn lực hợp pháp khác từ phía cộng đồng để hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2012 - 2013 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg; rút kinh nghiệm trong việc quản lý, sử dụng kém hiệu quả đối với tài sản, thiết bị máy móc được mua sắm cho công tác đào tạo nghề giai đoạn 2012 - 2013; rút kinh nghiệm trong việc xác định nghề trọng điểm cần đầu tư, tránh việc điều chỉnh làm giảm hiệu quả Chương trình. | UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính có Công văn đề nghị các đơn vị báo cáo tình hình thực hiện, tuy nhiên đến thời điểm báo cáo Sở Tài chính chưa nhận được báo cáo phản hồi. UBND tỉnh sẽ tiếp tục đôn đốc nhắc nhở các đơn vị. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 3 | Sở NN&PTNT và UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre | Chuyên đề Chương trình MTQG Việc làm và Dạy nghề tỉnh Bến Tre | Giám đốc Sở NN&PTNT và UBND huyện Châu Thành rút kinh nghiệm trong việc không hoàn thành kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo kế hoạch được phê duyệt (Sở NN&PTNT: Kinh phí còn thừa 1.018.306.058 đồng; huyện Châu Thành: Kinh phí còn thừa 263.067.675 đồng, nhưng không tiếp tục triển khai thực hiện năm sau). | UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính có Công văn đề nghị các đơn vị báo cáo tình hình thực hiện, tuy nhiên đến thời điểm báo cáo Sở Tài chính chưa nhận được báo cáo phản hồi. UBND tỉnh sẽ tiếp tục đôn đốc nhắc nhở các đơn vị. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 4 | UBND huyện Châu Thành Bến Tre | Chuyên đề Chương trình MTQG Việc làm và Dạy nghề tỉnh Bến Tre | UBND huyện Châu Thành: Chỉ đạo Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 1956 của Huyện rút kinh nghiệm việc không tiếp tục lập kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với nguồn kinh phí còn thừa như kết quả kiểm toán đã nêu, rút kinh nghiệm chi công tác phí từ nguồn kinh phí Trung ương thuộc CTMTQG Việc làm và Dạy nghề chưa đúng quy định. | UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính có Công văn đề nghị các đơn vị báo cáo tình hình thực hiện, tuy nhiên đến thời điểm báo cáo Sở Tài chính chưa nhận được báo cáo phản hồi. UBND tỉnh sẽ tiếp tục đôn đốc nhắc nhở các đơn vị. | Do đơn vị được kiểm toán |
| III.2 Tỉnh Trà Vinh | | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2013 tỉnh Trà Vinh | Kiểm điểm trách nhiệm của cơ quan tham mưu trong việc không bố trí hoàn trả nợ vay đến hạn; Quyết định giao KHV của các dự án không có trong danh mục vay vốn năm 2013. | UBND tỉnh chưa chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm kiến nghị kiểm toán. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2013 tỉnh Trà Vinh | Xác định rõ trách nhiệm và tổ chức kiểm điểm nghiêm túc đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân gây ra nợ đọng XDCB. Cụ thể: Phê duyệt dự án đầu tư vượt quá khả năng cân đối vốn của địa phương; tham mưu cho UBND tỉnh tạm ứng KHV cho các dự án từ nguồn vốn để trả nợ Ngân hàng Phát triển Việt Nam; phân bổ vốn vay tín dụng ưu đãi Ngân hàng Phát triển Việt Nam không có trong danh mục các dự án đăng ký vay vốn với Bộ Tài chính; phê duyệt chủ trương đầu thầu trả chậm và tạm ứng KHV cho các công trình khởi công mới không thuộc danh mục đã được HĐND tỉnh phê duyệt; các chủ đầu tư, các cơ quan tổng hợp được giao nhiệm vụ nhưng không báo cáo đầy đủ, kịp thời tình hình nợ đọng; tạm ứng KHV kéo dài, không thu hồi được vốn đã tạm ứng kế hoạch. | UBND tỉnh chưa chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm kiến nghị kiểm toán. | Do đơn vị được kiểm toán |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|-------------|---|------------------------------|---|---|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 3 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2013 tỉnh Trà Vinh | UBND tỉnh Trà Vinh chủ trì tổ chức kiểm điểm trách nhiệm Ban chỉ đạo phòng chống bệnh chổi rồng hại nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2012, lãnh đạo Sở NN&PTNT và cán bộ tham mưu trong việc: Chi hỗ trợ cho người trồng nhãn diện tích cây bị bệnh thiệt hại không đúng mức quy định của Thủ Tướng Chính phủ và lập báo cáo quyết toán sử dụng kinh phí chưa chính xác. | Sở NN&PTNT có Tờ trình số 260/TTr-SNN ngày 09/6/2016 trình UBND tỉnh chủ trì tổ chức kiểm điểm trách nhiệm BCD phòng chống bệnh chổi rồng hại nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2012 nhưng UBND tỉnh chưa có ý kiến chỉ đạo. Thời điểm kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2021, UBND tỉnh Trà Vinh chưa có ý kiến chỉ đạo thực hiện nội dung này. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 4 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2013 tỉnh Trà Vinh | Xác định và xử lý trách nhiệm cá nhân đối với ông Lê Văn Hương (nguyên Trưởng Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Trà Vinh) do đã ký Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho Công ty Sản xuất vật tư ngành in Mỹ Lan trái quy định pháp luật làm thất thu NSNN với số tiền lớn. | Ban quản lý dự án Khu công nghiệp tỉnh Trà Vinh có báo cáo số 103/BC-BQLKKT ngày 10/4/2019, theo đó, do ông Lê Văn Hương đã chuyển công tác vào năm 2008 và hiện tại đã nghỉ hưu. Trách nhiệm thuộc Trưởng Ban quản lý dự án Khu công nghiệp tỉnh Trà Vinh và UBND tỉnh chưa quan tâm chỉ đạo chỉ đạo thực hiện kiến nghị này. | Nguyên nhân khác |
| IV | Niên độ được kiểm toán 2014 | | | | |
| | Tỉnh Vĩnh Long | | | | |
| | Tỉnh ủy Vĩnh Long | NSDP năm 2014 tỉnh Vĩnh Long | Đối với Tỉnh ủy Vĩnh Long: Rút kinh nghiệm trong việc chỉ định thầu không đúng quy định pháp luật tại gói thầu số 81 thuộc dự án Đường tỉnh 907. | UBND tỉnh chưa nhận được báo cáo của Tỉnh ủy Vĩnh Long về nội dung này. | Do đơn vị được kiểm toán |
| V | Niên độ được kiểm toán 2015 | | | | |
| V.1. | Tỉnh Bến Tre | | | | |
| | Chi cục Thuế huyện Ba Tri | NSDP năm 2015 tỉnh Bến Tre | Chi cục Thuế huyện Ba Tri miễn (giảm) tiền thuê đất của doanh nghiệp trước khi có quyết định miễn (giảm) của Cục trưởng Cục Thuế. | CCT Ba Tri chưa thực hiện, do CCT Ba Tri không có thẩm quyền miễn (giảm) tiền thuê (Theo Báo cáo giải trình số 563/BC-CCT ngày 23/11/2017 của CCT Ba Tri giải trình Công văn số 2046/CT-THNVDT ngày 30/8/2017 của Cục Thuế về việc chấn chỉnh công tác quản lý thu theo kiến nghị của KTNN) | Do đơn vị được kiểm toán |
| V.2. | Tỉnh Trà Vinh | | | | |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiểm nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|-------------|---|-------------------------------|---|----------------------------|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 1 | Các chủ đầu tư Ban quản lý khu kinh tế Trà Vinh, UBND huyện Tiểu Cần, UBND huyện Châu Thành | NSDP năm 2015 tỉnh Trà Vinh | Các chủ đầu tư Ban quản lý khu kinh tế Trà Vinh, UBND huyện Tiểu Cần, UBND huyện Châu Thành tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể có liên quan trong việc đề phát sinh nợ đọng XDCB sau 31/12/2014 là 6.583 trđ của 7 công trình chưa tuân thủ theo quy định tại Chi thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của TTCP và Luật Đầu tư công; kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với chủ đầu tư Ban quản lý khu kinh tế Trà Vinh, tư vấn giám sát đã đề xảy ra các sai sót trong công tác thi công sai so với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, hoàn công không đúng thực tế của gói thầu xây lắp số 16 thuộc Dự án Tuyển đường số 01. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư | NSDP năm 2015 tỉnh Trà Vinh | Kiểm điểm và xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan thuộc STC, Sở KH&ĐT đề xuất, tham mưu 02 danh mục dự án để vay vốn chưa đúng theo Điều 7 Thông tư số 156/2009/TT-BTC; vượt mức dư nợ từ nguồn vốn huy động tối đa cho phép theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN; bố trí KHV khởi công mới dự án chưa tuân thủ quy định; chưa bố trí đủ vốn để trả nợ đọng và hoàn trả nguồn vốn tạm ứng; tạm ứng KHV kéo dài, không thu hồi được vốn đã tạm ứng số tiền 332.218 trđ; tạm ứng vốn vượt quá 20% dự toán đã giao thuộc lĩnh vực quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| 3 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2015 tỉnh Trà Vinh | Kiểm điểm và xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan trong việc không thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai đối với Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Hồng Lục và không tính phạt chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| V.3. | Tỉnh Tiền Giang | | | | |
| | UBND tỉnh Tiền Giang | NSDP năm 2015 tỉnh Tiền Giang | Chi đạo các Chủ đầu tư Sở Giao thông vận tải và Chủ đầu tư cấp huyện Tân Phước tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan (gắn với trách nhiệm cá nhân) trong việc đề phát sinh nợ đọng XDCB mới sau ngày 31/12/2014 theo quy định tại điểm a, khoản 1, Mục I, Chi thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| VI | Niên độ được kiểm toán 2016 | | | | |
| VI.1 | Tỉnh Đồng Tháp | | | | |
| | UBND tỉnh Đồng Tháp | NSDP năm 2016 tỉnh Đồng Tháp | UBND tỉnh tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm, chấn chỉnh đối với việc phân bổ KHV cho 11 danh mục dự án không có trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 và 08 dự án vượt mức kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 chưa phù hợp theo Chi thị số 11/CT-TTg ngày 29/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 7 Điều 51 Luật Đầu tư công. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| VI.2 | Tỉnh Vĩnh Long | | | | |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiểm nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|----------------|---|---|---|----------------------------|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| | UBND tỉnh Vĩnh Long | NSDP năm 2016 tỉnh Vĩnh Long | Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân: Không thực hiện việc quản lý, sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết theo đúng quy định của Quốc hội và các văn bản Trung ương hướng dẫn có liên quan. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| VII | Niên độ được kiểm toán 2017 | | | | |
| VII.1. | Tỉnh Trà Vinh | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2017 tỉnh Trà Vinh | UBND tỉnh Trà Vinh tổ chức họp rút kinh nghiệm trong việc chậm ban hành Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND quy định giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC và tại Điều 5 và Điều 8 Thông tư số 44/2017/TT-BTC. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2017 tỉnh Trà Vinh | Dự án Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Trà Vinh: Kiểm điểm rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc triển khai các gói thầu chậm và chưa đồng bộ dẫn đến công trình chậm hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| VII.2. | Tỉnh Tiền Giang | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Tiền Giang | NSDP năm 2017 tỉnh Tiền Giang | UBND tỉnh tổ chức họp rút kinh nghiệm trong việc chậm ban hành quyết định số 03/2018/QĐ-UBND Quy định giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Thông tư số 44/2017/TT-BTC. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | UBND tỉnh Tiền Giang | NSDP năm 2017 tỉnh Tiền Giang | UBND tỉnh: Rút kinh nghiệm trong các việc phân bổ kinh phí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới mua sắm thiết bị lọc nước trang bị cho các trường học, chưa đúng đối tượng thụ hưởng theo quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; việc bố trí sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp Y tế thu hồi giảm chi cho các nhiệm vụ chi chưa đúng quy định tại Mục a Khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 326/2016/TT-BTC. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| 3 | Sở Nội vụ | NSDP năm 2017 tỉnh Tiền Giang | Sở Nội vụ: Rút kinh nghiệm đối với việc Đoàn đi công tác về chưa báo cáo kết quả học tập kịp thời theo quy định. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| VIII | Niên độ được kiểm toán 2018 | | | | |
| VIII.1 | Tỉnh Vĩnh Long | | | | |
| | UBND tỉnh Vĩnh Long | Chuyên đề việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 của các tỉnh Vĩnh Long | Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong việc: Chưa kịp rà soát và ban hành Quyết định cho thuê đất đối với các khu đất tại khu tái định cư Đông Bình, xã Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long diện tích 443 m ² (từ năm 2003 đến ngày 31/12/2018) và khu đất tại xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, diện tích 300 m ² (từ ngày 05/01/2007 đến ngày 15/01/2017); chậm ban hành Quyết định cho thuê đất khu đất tại ấp Tân Phú, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| VIII.2. | Tỉnh Bến Tre | | | | |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|----------------|---|---|---|---|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| | UBND tỉnh Bến Tre | Chuyên đề quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 tại tỉnh Bến Tre | Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong việc: (i) phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất không đúng quy hoạch, thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất không đúng, chưa đúng trình tự thủ tục theo quy định; (ii) cho thuê 05 thửa đất không thực hiện đấu giá, đồng thời báo cáo Thủ tướng chính phủ xử lý, giải quyết các trường hợp không đấu giá theo quy định | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| VIII.3. | Tỉnh Trà Vinh | | | | |
| | UBND tỉnh Trà Vinh | Chuyên đề việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các bệnh viện công lập, các trường đại học giai đoạn 2016-2018 và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại tỉnh Trà Vinh | UBND tỉnh Trà Vinh kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan đối với Sở Lao động Thương binh và Xã hội trong việc chưa tham mưu trình UBND tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện các Dự án thuộc Chương trình MTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| VIII.4. | Tỉnh Đồng Tháp | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Đồng Tháp | NSDP năm 2018 tỉnh Đồng Tháp | Xử lý trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan trong việc Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp đã nghiệm thu, thanh toán số tiền 500.819.000 đồng của hạng mục sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang, dày sơn 3mm thuộc gói thầu xây lắp số 7: Thi công đường giao thông (nền, mặt đường), cống thoát nước ngang đường Rạch Cát (cống đơn), Rạch Ông Tô (cống đôi) cho Công ty Cổ phần ĐTXD Nhơn Thành khi chưa có khối lượng thực hiện. | Sở TN&MT có Công văn số 866/STNMT-VP ngày 25/3/2020 trình UBND tỉnh về việc chuyển hồ sơ kiểm điểm, xử lý trách nhiệm cá nhân theo kiến nghị của KTNN, trong đó: + Trường hợp ông Lưu Minh Trí - nguyên Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ nhà đất tỉnh (trực tiếp ký trình phê duyệt Báo cáo quyết toán hoàn thành Dự án Đường ĐT 853 nối dài – Giai đoạn 1) và ông Trương Văn Xe - nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ nhà đất tỉnh (Phụ trách bộ phận đầu tư xây dựng, trực tiếp ký hồ sơ nghiệm thu, thanh toán Dự án Đường ĐT 853 nối dài – Giai đoạn 1) có sai phạm theo Thông báo kết quả kiểm toán số 484/TB-KV IX ngày 23/10/2019 của KTNN khu vực IX, do 02 cán bộ này hiện tại đã nghỉ hưu nên kiến nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với theo thẩm quyền quản lý. + Trường hợp ông Nguyễn Tuấn Anh - nguyên Giám đốc Trung tâm tư vấn Đầu tư xây dựng và ông Nguyễn Minh Đức - nguyên viên chức Trung tâm tư vấn Đầu tư xây dựng (trực tiếp ký hồ sơ nghiệm thu, thanh toán Dự án Đường ĐT 853 nối dài – Giai đoạn 1), do 02 cán bộ đã chuyển công tác về Sở Xây dựng kể từ | Do đơn vị được kiểm toán |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiểm nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|--------------------------------|---|--|--|--|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 2 | Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp | NSDP năm 2018 tỉnh Đồng Tháp | Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến: Việc cho thuê đất và tài sản trên đất đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phương Châu. | STC đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc cho thuê đất và tài sản trên đất đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phương Châu (Biên bản họp ngày 29/7/2020). Tuy nhiên, hình thức kiểm điểm là rút kinh nghiệm, việc thực hiện chưa phù hợp với kiến nghị của KTNN | Do đơn vị được kiểm toán |
| 3 | UBND tỉnh Đồng Tháp | NSDP năm 2018 tỉnh Đồng Tháp | Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc: STC, Sở KH&ĐT việc thẩm định nguồn vốn đầu tư, tham mưu phê duyệt quyết định đầu tư dự án của UBND thị xã Hồng Ngự có sử dụng nguồn vốn vay không đúng thẩm quyền (Dự án xây dựng cầu Nguyễn Tất Thành và Dự án Khu dân cư Bờ Đông (giai đoạn 3)). | - Sở KH&ĐT đã tổ chức họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc thẩm định nguồn vốn đầu tư, tham mưu phê duyệt quyết định đầu tư dự án của UBND thị xã Hồng Ngự có sử dụng nguồn vốn vay không đúng thẩm quyền (Dự án xây dựng cầu Nguyễn Tất Thành và Dự án Khu dân cư Bờ Đông (giai đoạn 3)) (Biên bản họp ngày 08/11/2019). Tuy nhiên, Dự án xây dựng cầu Nguyễn Tất Thành, thị xã Hồng Ngự thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND thị xã Hồng Ngự và đã được UBND thị xã Hồng Ngự phê duyệt tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/3/2014, Sở KH&ĐT không thẩm định dự án này; Dự án Khu dân cư Bờ Đông (giai đoạn 3), phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự được UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt tại Quyết định số 240/QĐ-UBND.HC ngày 29/02/2016, Sở KH&ĐT không thẩm định dự án này. - Sở Tài chính báo cáo về vấn đề trên như sau: Cả 02 dự án trên việc sử dụng nguồn vốn vay để thực hiện 02 công trình trên là do Quỹ đầu tư phát triển tham mưu UBND tỉnh tại 02 Công văn số 16/QĐTPT-THTĐ ngày 09/7/2015 và số 17/QĐTPT-THTĐ ngày 10/3/2016 và được UBND tỉnh chấp thuận tại | Do đơn vị được kiểm toán |
| VIII.5. Tỉnh Tiền Giang | | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Tiền Giang | Chuyên đề việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 của tỉnh Tiền Giang | UBND tỉnh: Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong việc cho thuê 09 thửa đất không thực hiện đấu giá, đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý, giải quyết các sai phạm theo quy định | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiểm nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|----------------|---|--|---|---|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 2 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang | Chuyên đề việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 của tỉnh Tiền Giang | Sở Tài nguyên và Môi trường: Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các nội dung: Chưa kịp thời yêu cầu đơn vị lập hồ sơ đăng ký biến động, điều chỉnh thông tin trên hợp đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chưa kịp thời đo đạc cung cấp thông tin địa chính cho Cục Thuế; lưu trữ, quản lý hồ sơ không đảm bảo theo quy định; một số nội dung trên hợp đồng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa phù hợp với các Quyết định của UBND Tỉnh; chưa kiểm tra việc sử dụng hành lang an toàn đường bộ của các DN; chậm thực hiện các thủ tục bàn giao, thanh lý hợp đồng thuê đất khi đơn vị không còn nhu cầu sử dụng. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| 3 | Cục Thuế | Chuyên đề việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 của tỉnh Tiền Giang | Cục Thuế: Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với việc xác định một số đơn giá thuê đất chưa căn cứ trên hồ sơ địa chính do Sở TNMT cung cấp | Việc xác định đơn giá thuê đất và tiền thuê đất do Cục Thuế phát hành thông báo thu đều đảm bảo đúng căn cứ quy định pháp luật trên cơ sở dựa vào thông tin hồ sơ địa chính do Sở TNMT chuyển đến. Trong quá trình xác định nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất, đối với những trường hợp chưa nhận được phiếu chuyển thông tin địa chính, Cục Thuế phát hành thông báo tạm thu căn cứ vào số tiền thuê đất phải nộp của chu kỳ trước để thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, sau khi nhận Phiếu chuyển thông tin địa chính, cơ quan Thuế có kiểm tra, điều chỉnh lại và thu đủ tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước. | Do đơn vị được kiểm toán |
| VIII.6. | Tỉnh An Giang | | | | |
| | UBND tỉnh An Giang | Chuyên đề quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 tỉnh An Giang | Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm những vấn đề tồn tại, sai sót đối với tổ chức, cá nhân có liên quan phù hợp quy định, cụ thể: Cấp Giấy CN QSDĐ cho ông Lê Văn Thành trùng trong diện tích đất UBND Tỉnh đã giao Công ty CP Du lịch An Giang. | UBND tỉnh có Thông báo số 123/TB-VPUBND ngày 06/3/2020 yêu cầu UBND thành phố Long Xuyên tổ chức kiểm điểm đối với các tổ chức và các cá nhân có liên quan đến việc cấp trùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn Thành và vợ bà Nguyễn Thị My và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00230 QSDĐ/Ah cấp ngày 23/02/2000 cấp cho Công ty Du lịch và Phát triển miền núi An Giang (đến thời điểm hiện nay UBND thành phố Long Xuyên chưa có báo cáo kết quả thực hiện). | Do đơn vị được kiểm toán |
| IX | Niên độ được kiểm toán 2019 | | | | |
| IX.1 | Tỉnh Bến Tre | | | | |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|-------------|---|-------------------------------|--|---|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 1 | UBND tỉnh Bến Tre | NSDP năm 2019 tỉnh Bến Tre | UBND tỉnh Bến Tre: - Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện Giồng Trôm tại Công văn số 755/UBND-KT ngày 25/02/2019. - Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc ứng trước và thu hồi ứng trước kế hoạch vốn chưa đúng quy định khoản 1 Điều 57 Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật đầu tư công. - Kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm các chủ đầu tư để tồn đọng, kéo dài nhiều năm các khoản tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi quá thời hạn quy định, khoản nợ phải thu các dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chưa phối hợp với đơn vị có liên quan rà soát tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nội dung nêu trên. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | Văn phòng UBND tỉnh Bến Tre | NSDP năm 2019 tỉnh Bến Tre | Văn phòng UBND tỉnh Bến Tre: Xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan việc thất lạc hồ sơ tạm ứng sửa chữa trụ sở UBND tỉnh dẫn đến tạm ứng kéo dài nhiều năm, chưa thu hồi 82.462.000 đồng. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| IX.2 | Tỉnh Trà Vinh | | | | |
| | UBND tỉnh Trà Vinh | NSDP năm 2019 tỉnh Trà Vinh | UBND tỉnh Trà Vinh: Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc ban hành Quyết định số 17/GP-UBND ngày 13/5/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh cấp phép gia hạn cho Công ty TNHH TM XD Hồng Rô khai thác tận thu khoáng sản cát sông, địa chỉ mô: xã Đại Phước, huyện Càng Long tỉnh Trà Vinh khi chưa đủ điều kiện cấp phép theo quy định. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| IX.3 | Tỉnh Tiền Giang | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Tiền Giang | NSDP năm 2019 tỉnh Tiền Giang | UBND tỉnh: Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm về việc: (i) Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang đã ký chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư khẩn cấp công trình Mở rộng, gia cố lề Quốc lộ 1 và công trình Xử lý khẩn cấp Kè chắn sóng Nhà ở Đội công tác Cồn Ngang, Đồn biên phòng Phú Tân thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng Tiền Giang khi chưa thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư thực hiện theo Điều 43 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; (ii) UBND tỉnh chưa chấp hành chế độ báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 và chậm báo cáo tình hình quyết toán kinh phí chi trả cho từng chính sách, chế độ an sinh xã hội năm 2018, 2019 theo quy định của Bộ Tài chính; | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|-------------|---|--|---|---|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 3 | UBND tỉnh Tiền Giang | NSDP năm 2019 tỉnh Tiền Giang | (iii) Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tiền Giang đã thực hiện đầu tư khẩn cấp công trình Đèn chiếu sáng Đường tỉnh 866 nhưng chưa trình UBND tỉnh Tiền Giang đề báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư thực hiện theo Điều 43 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; (iv) Trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư khi chưa có Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, báo cáo thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo Luật Đầu tư công và Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ (Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hết hiệu lực ngày 01/01/2020); (v) Chi thường đột xuất cho các vận động viên vượt định mức chi theo quy định. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| 2 | UBND tỉnh Tiền Giang | NSDP năm 2019 tỉnh Tiền Giang | Đề nghị UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của Nhà nước đối với các dự án: Dự án Cảng du thuyền; dự án Tổ hợp Trung tâm thương mại, dịch vụ, kết hợp nhà ở thương mại Mỹ Tho; dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vàm Láng, huyện Gò Công Đông; việc điều chỉnh quy hoạch dự án Hạ tầng kỹ thuật - Quảng trường trung tâm tỉnh (giai đoạn 1). Nếu phát hiện các tổ chức, cá nhân liên quan có sai phạm thì tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật. Kết quả thực hiện báo cáo về KTNN khu vực IX theo quy định. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| IX.4 | Tỉnh Đồng Tháp | | | | |
| | UBND tỉnh Đồng Tháp | Chuyên đề quản lý, sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2019 tại tỉnh Đồng Tháp | UBND tỉnh Đồng Tháp: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc: (1) Phân bổ kế hoạch vốn XSKT chưa đảm bảo tỉ lệ cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề và y tế, xây dựng nông thôn mới theo quy định. (2) Không ban hành quy định thời gian thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư công. (3) Ban hành Quyết định số 363/QĐ-UBND.HC ngày 07/5/2012, Công văn số 435/UBND-ĐTĐD ngày 16/11/2017 của UBND tỉnh chưa đúng quy định của Luật Đầu tư. (4) Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án làm tăng tổng mức đầu tư chưa đúng quy định của Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công. | UBND tỉnh có Công văn số 42/UBND-KT ngày 22/01/2021, giao Sở Nội vụ chủ trì. Tại thời điểm kiểm tra, Đoàn chỉ nhận được Biên bản họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư (do Sở KH&ĐT tổ chức họp), chưa nhận được tài liệu liên quan việc thực hiện kiến nghị này của UBND tỉnh. Đồng thời, tại nội dung cuộc họp của Sở KH&ĐT có nêu: Không thể hiện rõ việc kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu đối với nội dung Kiến nghị (1), (2), (4). Nội dung kiến nghị (3): Sở KH&ĐT không tham mưu ban hành Quyết định số 363/QĐ-UBND.HC ngày 07/5/2012; việc tham mưu ban hành Công văn số 435/UBND-ĐTĐD ngày 16/11/2017 là đúng quy định pháp luật. | Do đơn vị được kiểm toán |
| IX.5 | Tỉnh Vĩnh Long | | | | |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|------------|---|--|---|--|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| | UBND tỉnh Vĩnh Long | Chuyên đề quản lý, sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2017-2019 tại tỉnh Vĩnh Long | Chỉ đạo Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Vĩnh Long kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc: (i) Phê duyệt thiết kế loa cho hội trường với công suất lớn hơn nhu cầu thực tế; còn sai sót trong tổ chức đánh giá, lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp số 01 của dự án Hội trường Trường Chính trị Phạm Hùng; (ii) Thực hiện mua sắm các hạng mục không có trong danh mục được phê duyệt tại gói thầu thiết bị văn phòng thuộc dự án Trụ sở làm việc Báo Vĩnh Long; (iii) Nghiệm thu thanh toán khối lượng các hạng mục tại gói thầu xây lắp số 05 Dự án Bệnh viện đa khoa huyện Mang Thít khi chưa được lắp đặt hoàn thiện. | Đơn vị chưa có báo cáo | Do đơn vị được kiểm toán |
| X | Niên độ được kiểm toán 2020 | | | | |
| X.1 | Tỉnh Đồng Tháp | | | | |
| 1 | UBND tỉnh Đồng Tháp | NSDP năm 2020 tỉnh Đồng Tháp | Đối với UBND tỉnh Đồng Tháp: Kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc: Chấp thuận ứng vốn từ Quỹ phát triển đất cho Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp không đúng quy định. | STC đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan đến việc xác định mức phí ứng vốn (bằng không) từ Quỹ Phát triển đất đối với Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp không đúng quy định, kết quả kiểm điểm: rút kinh nghiệm đối với ông Ngô Hồng Chiêu, nguyên Giám đốc STC và ông Trần Văn Phú, Giám đốc Trung tâm DVTC (Đính kèm Biên bản họp kiểm điểm số 87/BB-STC ngày 09/12/2021 và các Bản kiểm điểm của cá nhân). Tuy nhiên, hình thức kiểm điểm là rút kinh nghiệm, việc thực hiện chưa phù hợp với kiến nghị của KTNN, UBND tỉnh chưa tổ chức kiểm điểm đối với nội dung kiến nghị trên. | Do đơn vị được kiểm toán |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|------------|---|------------------------------|---|---|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| 2 | Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp | NSDP năm 2020 tỉnh Đồng Tháp | Đối với Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp: Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan đến việc xác định mức phí ứng vốn (bằng không) từ Quý Phát triển đất đối với Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp không đúng quy định. | Quý Đầu tư và Phát triển đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan đến việc xác định mức phí ứng vốn (bằng không) từ Quý Phát triển đất đối với Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp không đúng quy định, kết quả kiểm điểm: rút kinh nghiệm đối với tập thể Quý Đầu tư và Phát triển tỉnh năm 2017; ông Nguyễn Văn Tôi, Trưởng phòng Kế hoạch – Tổng hợp; ông Nguyễn Duy Khánh, Phó Trưởng phòng Tín dụng – Đầu tư (Đính kèm Biên bản họp ngày 24/9/2021, Bản tự kiểm của các cá nhân). Tuy nhiên, hình thức kiểm điểm là rút kinh nghiệm, việc thực hiện chưa phù hợp với kiến nghị của KTNN. | Do đơn vị được kiểm toán |
| 3 | Sở Tài chính Đồng Tháp | NSDP năm 2020 tỉnh Đồng Tháp | Đối với STC: Kiểm điểm trách nhiệm công chức, lãnh đạo đơn vị tham mưu trong chi cho vay ngân sách địa phương không đúng quy định. | STC đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm công chức, lãnh đạo đơn vị tham mưu trong chi cho vay ngân sách địa phương không đúng quy định, kết quả kiểm điểm: rút kinh nghiệm 07 công chức, lãnh đạo có liên quan (Ông Ngô Hồng Chiêu, nguyên Giám đốc STC; bà Ngô Thị Ngọc Sương, Phó Giám đốc; ông Bùi Xuân Quang, Trưởng phòng Quản lý ngân sách, ông Lê Văn Út Em, Phó Trưởng phòng Tài chính - HCSN; bà Nguyễn Thị Diễm, Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp; ông Trần Văn Phú, Giám đốc Trung tâm DVTC; bà Ngô Thị Phương Loan, chuyên viên phòng Quản lý ngân sách) (Đính kèm Biên bản họp kiểm điểm số 87/BB-STC ngày 09/12/2021 và các Bản kiểm điểm của cá nhân). Tuy nhiên, hình thức kiểm điểm là rút kinh nghiệm, việc thực hiện chưa phù hợp với kiến nghị của KTNN | Do đơn vị được kiểm toán |
| X.2 | Tỉnh Vĩnh Long | | | | |

| STT | Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị | Nguyên nhân chưa thực hiện | |
|-----|---|------------------------------|--|---|--------------------------|
| | | | | Thuyết minh nguyên nhân | Phân loại |
| | Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh Long | NSDP năm 2020 tỉnh Vĩnh Long | Sở Giao thông Vận tải: Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 về việc phê duyệt phát sinh 3,6 km đường và Cầu Vàm Muối thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông phát triển hạ tầng du lịch 04 xã cù lao huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. | Theo Báo cáo của Sở Giao thông Vận tải: Nội dung kiến nghị kiểm điểm nêu trên không thuộc trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải do việc UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 làm tăng tổng mức đầu tư công đối với công trình Đường giao thông phát triển hạ tầng du lịch 04 xã cù lao huyện Long Hồ là xét theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Long Hồ, Sở Giao thông Vận tải là đơn vị thông báo kết quả thẩm định thiết kế công trình. Do vậy, đề xuất UBND tỉnh có ý kiến đối với kiến nghị nội dung này. | Do đơn vị được kiểm toán |